



Danh sách nhân sự Ban Trị sự GHPGVN Tp.Hồ Chí Minh Nhiệm kỳ 2022-2027

ISSN: 2734-9195

14:21 05/08/2023

Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ X (2022 – 2027), gồm 10 thành viên Chứng minh Ban Trị sự; 02 thành viên Ban Cố vấn; 89 thành viên Ban Trị sự (Ban Thường trực: 32 vị, Ủy viên: 57 vị) do Hòa thượng Thích Lệ Trang làm Trưởng Ban Trị sự (danh sách đính kèm)

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ _____ Số:
311/QĐ-HĐTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT

NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____ Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng
06 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN
Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2022 - 2027 _____ CHỦ TỊCH HỘI
ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

Căn cứ điều 29, 30, 31, 33 chương VI Hiến chương GHPGVN (Tu chỉnh lần thứ VI);

Căn cứ mục 2 điều 32 Luật Tín ngưỡng, Tôn giáo;

Căn cứ công văn số 606/BTG-NV1 ngày 23/6/2022 của Ban Tôn giáo Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ tờ trình số 215/BTS-VP ngày 23/6/2022 của Ban Trị sự GHPGVN Tp. Hồ Chí Minh, V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN Tp. Hồ Chí Minh, nhiệm kỳ X (2022 – 2027).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 : Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Tp. Hồ Chí Minh nhiệm kỳ X (2022 – 2027), gồm 10 thành viên Chứng minh Ban Trị sự; 02 thành viên Ban Cố vấn; 89 thành viên Ban Trị sự (Ban Thường trực: 32 vị, Ủy viên: 57 vị) do Hòa thượng Thích Lệ Trang làm Trưởng Ban Trị sự (danh sách

Điều 2 : Tổng Thư Ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN Tp. Hồ Chí Minh và các vị có tên tại điều 1, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận : - Như điều 2 “để thực hiện” - **TM. BAN THƯỜNG TRỰC CHỦ TỊCH**
Ban TGCP, Vụ PG “để b/c” - UBND, BDV,
UBMTTQVN, BTG/SNV Tp. Hồ Chí
Minh “để biết” - Lưu VP1 - VP2 **Hòa thượng Thích Thiện Nhơn**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

A. BAN CHỨNG MINH: 10 vị 1. Hòa thượng Thích Trí Quảng 2. Hòa thượng Thích Hiền Tu 3. Hòa thượng Thích Từ Thông 4. Hòa thượng Thích Tịnh Hạnh 5. Hòa thượng Thích Như Niệm 6. Hòa thượng Thích Như Tín 7. Hòa thượng Thích Minh Chơn 8. Hòa thượng Thích Thanh Sơn 9. Hòa thượng Thích Thiện Tâm 10. Hòa thượng Thích Minh Thông.

B. BAN CỐ VẤN: 02 vị 1. Hòa thượng Thích Thiện Tánh 2. Hòa thượng Thích Huệ Văn

C. BAN TRỊ SỰ: I. BAN THƯỜNG TRỰC: 32 vị

STT	PHÁP DANH/THẾ DANH	NĂM SINH	CHỨC VỤ
1.	HT. Thích Lệ Trang (Lê Văn Giỏi)	1958	Trưởng ban Trị sự, Tr
2.	TT. Thích Thanh Phong (Phạm Đức Phong)	1968	Phó Trưởng ban Trị s hội
3.	HT. Thích Thiện Đức (Nguyễn Văn Thành)	1951	Phó Trưởng ban Trị s (1/2 nhiệm kỳ)
4.	HT. Thích Minh Giác (Dương Tuấn Minh)	1955	Phó Trưởng ban Trị s <i>tông Kinh)</i>
5.	HT. Thích Nhựt Hỷ (Đào Văn Thành)	1956	Phó Trưởng ban Trị s

6.	HT. Thích Giác Pháp (Lê Lại)	1954	Phó Trưởng ban Trị sự (sĩ)
7.	HT. Danh Lung (Ekasuvanna)	1964	Phó Trưởng ban Trị sự tông Khmer)
8.	TT. Thích Thiện Quý (Huỳnh Văn Phương)	1969	Phó Trưởng ban – Ch
9.	TT. Thích Quang Thạnh (Trần Xuân Nhàn)	1968	Phó Trưởng ban Trị sự Phật giáo
10.	TT. Thích Nhật Từ (Trần Ngọc Thảo)	1969	Phó Trưởng ban Trị sự Quốc tế
11.	TT. Thích Huệ Công (Đoàn Thành Quang)	1959	Phó Trưởng ban Trị sự
12.	HT. Thích Chơn Không (La Phú Quốc)	1955	Trưởng ban Hướng d
13.	HT. Thích Hiển Đức (Lê Minh Châu)	1960	Trưởng ban Pháp chế
14.	TT. Thích Trí Chơn (Trần Quang Luận)	1963	Trưởng ban Văn hóa
15.	TT. Thích Tâm Hải (Nguyễn Đức Sơn)	1974	Trưởng ban Thông tin
16.	TT. Thích Truyền Cường (Trần Đức Cường)	1968	Trưởng ban Kinh tế T
17.	TT. Thích Quảng Chơn (Trần Kim Tuấn)	1967	Trưởng ban Nghi lễ
18.	TT. Thích Trung Nguyên (Trương Thanh Bình)	1978	Phó Chánh Thư ký, C
19.	ĐĐ. Thích Trí Đức (Đỗ Thành Trung)	1981	Phó Chánh Thư ký Ba
20.	HT. Thích Hạnh Ngộ (Huỳnh Bảy)	1956	Ủy viên Thường trực
21.	TT. Thích Giác Trí (Võ Hữu Trí)	1962	Ủy viên Thường trực
22.	TT. Thích Giác Hiệp (Lê Văn Điếu)	1968	Ủy viên Thường trực
23.	TT. Thích Đạt Đức (Lê Anh)	1964	Ủy viên Thường trực
24.	TT. Thích Thiện Hạnh (Lý Văn Ty)	1969	Ủy viên Thường trực
25.	TT. Thích Phước Đạt (Trần Lý Trai)	1968	Ủy viên Thường trực
26.	TT. Thích Hải Đạt (Trần Đức Giàu)	1976	Ủy viên Thường trực
27.	TT. Thích Minh Bảo (Đặng Văn Tiến)	1972	Ủy viên Thường trực
28.	TT. Thích Minh Cần (Trần Ngọc Thảo)	1974	Ủy viên Thường trực
29.	NT. Thích nữ Như Thảo (Nguyễn Thị Hương Thảo)	1956	Ủy viên Thường trực
30.	NS. Thích nữ Phụng Liên (Hà Thị Thanh Phụng)	1963	Ủy viên Thường trực
31.	NS. Thích nữ Như Nguyệt (Nguyễn Thị Thu Nguyệt)	1966	Ủy viên Thường trực
32.	SC. Thích nữ Như Hòa (Bùi Thi Ninh)	1971	Ủy viên Thường trực

II. ỦY VIÊN: 57 vị

33.	HT. Thích Minh Hóa (Trương Hữu Tài)	1958	Ủy viên
34.	HT. Thích Tắc Huê (Lưu Hoài Vung)	1959	Ủy viên
35.	HT. Thích Thiện Hòa (Nguyễn Văn Du)	1957	Ủy viên
36.	TT. Thích Minh Lộc (Phan Hường)	1962	Ủy viên
37.	TT. Thích Thiện Hảo (Nguyễn Hùng Cường)	1962	Ủy viên
38.	TT. Thích Lệ Thọ (Trần Văn Quý)	1968	Ủy viên
39.	TT. Thích Từ Tánh (Lê Công Bằng)	1968	Ủy viên
40.	TT. Thích Tâm Chơn (Lê Hương)	1966	Ủy viên
41.	TT. Thích Giác Nhuận (Cao Văn Tư)	1968	Ủy viên
42.	TT. Thích Minh Quang (Nguyễn Văn Nhiều)	1969	Ủy viên
43.	TT. Thích Đức Trường (Trần Thanh Chương)	1965	Ủy viên
44.	TT. Thích Nhật Thiện (Nguyễn Hùng Phương)	1970	Ủy viên
45.	TT. Thích Phước Tiến (Lê Thanh Tròn)	1974	Ủy viên
46.	TT. Thích Minh Nhựt (Lê Trung Dũng)	1973	Ủy viên
47.	TT. Thích Huệ Minh (Võ Văn Ít)	1961	Ủy viên
48.	TT. Thích Nguyên Sĩ (Nguyễn Thanh Liêm)	1969	Ủy viên
49.	TT. Thích Thiện Từ (Ngô Văn Hai)	1960	Ủy viên
50.	TT. Thích Minh Thành (Liêu Minh Trung)	1966	Ủy viên
51.	TT. Thích Tắc Bạch (Lê Minh Thanh)	1970	Ủy viên
52.	TT. Thích An Thường (Trương Thành Khải)	1970	Ủy viên
53.	TT. Thích Thiện Bửu (Trần Anh Ngọc)	1971	Ủy viên
54.	TT. Thích Minh Thanh (Lê Hùng Tâm)	1972	Ủy viên
55.	TT. Thích Huệ Nghiêm (Nguyễn Hải Phong)	1973	Ủy viên
56.	TT. Thích Nguyên Nhựt (Vũ Anh Quý)	1967	Ủy viên
57.	TT. Thích Tịnh Tâm (Lê Ngọc Hùng)	1970	Ủy viên
58.	TT. Thích Lệ Tâm (Nguyễn Minh Hoàng)	1975	Ủy viên
59.	TT. Thích Minh Bảo (Nguyễn Huy Phong)	1974	Ủy viên
60.	TT. Thích Trí Thường (Phan Văn Tám)	1966	Ủy viên

61.	TT. Thích Từ Trí (Nguyễn Văn Dũng)	1967	Ủy viên
62.	TT. Thích Thiện Tạo (Võ Thành Vũ)	1973	Ủy viên
63.	TT. Thích Thiện Mẫn (Nguyễn Ngọc Hùng)	1974	Ủy viên
64.	TT. Thích Minh Nhựt (Lê Văn Thái)	1974	Ủy viên
65.	ĐĐ. Thích Thuần Tại (Nguyễn Văn Úy)	1971	Ủy viên
66.	ĐĐ. Thích Tâm Hoa (Nguyễn Minh Tâm)	1970	Ủy viên
67.	ĐĐ. Thích Minh Nghi (Trần Vũ Anh Quốc)	1982	Ủy viên
68.	ĐĐ. Thích Thiện CHơn (Trần Văn Toa)	1972	Ủy viên
69.	ĐĐ. Thích Minh Thuận (Trần Thái Hòa)	1976	Ủy viên
70.	ĐĐ. Thích Nhuận Hạnh (Trần Văn Trung)	1978	Ủy viên
71.	ĐĐ. Thích Thiện Châu (Huỳnh Văn Hải)	1981	Ủy viên
72.	ĐĐ. Thích Pháp Đăng (Trần Nguyễn Trung Tiến)	1977	Ủy viên
73.	ĐĐ. Thích Hoàng Ninh (Nguyễn Tấn Lợi)	1974	Ủy viên
74.	ĐĐ. Thích An Hòa (Nguyễn Thanh Trí)	1972	Ủy viên
75.	ĐĐ. Thích Trí Thông (Đoàn Minh Phương)	1977	Ủy viên
76.	ĐĐ. Thích Minh Ân (Nguyễn Hữu Nghĩa)	1990	Ủy viên
77.	ĐĐ. Thích An Nguyên (Lâm Hữu Hạnh)	1985	Ủy viên
78.	ĐĐ. Thích Minh Đạo (Nguyễn Văn Nhật)	1984	Ủy viên
79.	ĐĐ. Thích Minh Thật (Nguyễn Văn Thoàn)	1980	Ủy viên
80.	ĐĐ. THIRASILO (Châu Hoài Thái)	1987	Ủy viên
81.	ĐĐ. Thích Giác Thọ (Dương Minh Thọ)	1984	Ủy viên
82.	ĐĐ. Thích Hoàng Tâm (Huỳnh Trần Thức)	1991	Ủy viên
83.	NS. Thích nữ Lệ Thuận (Nguyễn Thị Kiều Nhi)	1960	Ủy viên
84.	NS. Thích nữ Hòa Liên (Lê Thị Ngọc Oanh)	1964	Ủy viên
85.	NS. Thích nữ Như Nguyệt (Nguyễn Thị Thu Hà)	1965	Ủy viên
86.	NS. Thích nữ Như Hiền (Nguyễn Thị Nguyệt)	1959	Ủy viên
87.	NS. Thích nữ Huệ Tuyến (Lê Ngọc Lịch)	1964	Ủy viên
88.	NS. Thích nữ Huệ Khánh (Lê Thị Hồng Yến)	1972	Ủy viên

89. **SC. Thích nữ Thánh Tâm** (Trương Thị Thu Hiền) 1975 Ủy viên